

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2018/HS-PT

Ngày: 24/7/2018

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Trần Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 23 và 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 225/2018/HSPT ngày 31/5/2018 đối với bị cáo Nguyễn Cao Nh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2671/2018/QĐXXPT-HS ngày 07/7/2018, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Cao Nh**; giới tính: nam; sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: 412/78 ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Bến tre; nơi cư trú: C19/10 xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà E; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị bắt: 03/07/2016;

Tạm giữ: 04/7/2016;

Tạm giam: 07/7/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Tuấn Anh, luật sư Văn phòng luật sư Phạm Tuấn Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Ông K, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Khu vực 10, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/7/2016, ở trước nhà Số 12 đường Số 12, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Cao Nh bị quần chúng nhân dân và bảo vệ dân phố bắt giữ và dẫn giải đến Công an phường M, quận N; Nh bị tố cáo là đã có hành vi cướp tài sản của anh Phạm Tuấn K.

Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 03/7/2016, Công an phường M tiến hành lập “Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang”, bắt giữ Nh và thu hồi một số vật chứng có liên quan; biên bản ghi thời gian kết thúc vào lúc 16 giờ cùng ngày (bl.27).

Theo biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang vừa nêu thì nội dung sự việc được ghi nhận lại như sau:

Bị hại Phạm Tuấn K trình bày: Vào lúc 13 giờ 30 phút, có một thanh niên hẹn K liên hệ mua chiếc xe Suzuki Sport mang biển số 59T1-384.68 do K rao bán trên trang Chotot.vn. K và thanh niên đã nêu gặp nhau ở quán cà phê số 29 đường số 17B, phường M, quận N để cho người thanh niên xem chiếc xe mang biển số 59T1-384.68 do K mang đến. Trong quá trình xem xe, người thanh niên bất ngờ dùng súng điện bắn về phía K, K tránh được và bị ngã về phía sau. Thấy vậy, người thanh niên lên xe định nổ máy bỏ chạy thì bị bà chủ quán kéo xe lại, rút chìa khóa xe và truy hô “Cướp, cướp”. Người thanh niên bỏ chạy. K đuổi theo và truy hô “Cướp, cướp”. Khi đến trước nhà số 12 đường Số 12, Khu phố 2, phường M thì người thanh niên đã nêu bị K cùng người dân và bảo vệ dân phố bắt đưa đến Công an phường M.

Bà Nguyễn Thị R (người làm chứng) trình bày như sau: Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/7/2016, bà R ngồi trong quán cà phê do bà làm chủ tại số 29 đường số 17B, phường M, quận N; bà R thấy có một thanh niên mặc áo khoác màu đen, tuổi còn trẻ, cao khoảng 1,60m đeo khẩu trang ngồi nói chuyện với một thanh niên vào sau đi xe máy màu đen. Một hồi sau, người thanh niên mặc áo khoác màu đen đứng phía ngoài quán lấy từ trong giỏ ra một vật màu đen

giống cây súng và nhắm bắn về phía thanh niên đi xe máy. Bà R nghe tiếng “tạch tạch”, hai sợi dây bay về phía người thanh niên đi xe máy nhưng người này né được. Người thanh niên bận áo khoác màu đen nhảy lên xe định nổ máy bỏ chạy thì bà R chạy ra, xô xe ngã xe, người thanh niên cũng ngã ra đường, bà R nhanh tay rút chìa khóa xe và truy hô “Cướp, cướp”. Sau đó, người thanh niên định lấy xe bỏ chạy, người thanh niên chủ xe thấy vậy đuổi theo.

Nguyễn Cao Nh khai trình như sau: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 03/7/2016, Nh hẹn một thanh niên thông qua số điện thoại 0909000530 để hỏi mua chiếc xe Suzuki Sport rao bán trên trang web Chotot.vn. Sau khi gặp thanh niên đã nêu ở Bến xe Miền Tây, người thanh niên này (nhuộm tóc vàng) chở Nh đến quán cà phê ở số 29 đường 17B, phường M và bảo Nh ngồi đợi. Khoảng 13 giờ 30 phút, người thanh niên đã nêu mang đến chiếc xe máy kiểu Suzuki màu đen mang biển số 59T1 (Nh không nhớ số cuối) đến để cho Nh xem. Trong lúc xem xe, Nh thấy người thanh niên ngồi nghe điện thoại. Nh lấy súng điện trong ba lô bắn người thanh niên và chạy ra định lấy xe tẩu thoát. Lúc đó, xe kẹt số nên đạp không nổ, đồng thời chủ quán nước chạy ra truy hô “Cướp, cướp” và giữ xe lại. Thấy vậy, Nh bỏ chạy bộ; đến trước nhà Số 12 đường Số 12, Khu phố 2, phường M thì Nh bị người dân và bảo vệ dân phố bắt giữ giao cho công an.

Vật chứng thu giữ của Nh được ghi nhận trong biên bản phạm pháp quả tang, gồm có: 2 cây roi điện, 5 viên đạn, 1 cây dùi cui 3 khúc (cây vũ), 1 con dao bấm, 1 điện thoại Iphone 4S màu đen, 1 điện thoại Nokia.

Vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 07/3/2016, Công an phường M tiến hành lấy lời khai của Nh (bl.46), Nh khai trình: Vào khoảng 12 giờ ngày 03/7/2016, Nh có gọi điện thoại cho một thanh niên qua số điện thoại 0909000530 rao bán xe trên trang web Chợ Tốt để liên hệ mua chiếc xe Su Sport. Người thanh niên hẹn Nh đến Bến xe Miền Tây để dẫn đi xem xe. Khoảng 12 giờ 45 phút, Nh đi xe ôm đến Bến xe Miền Tây và điện thoại vào số điện thoại đã nêu để liên hệ. Khoảng 15 phút sau, có 1 thanh niên nhuộm tóc vàng đi xe tay ga đến và chở Nh đến quán cà phê số 29 đường 17B, phường M, quận N. Nh ngồi đợi khoảng 15 phút để người thanh niên này đi lấy xe cho Nh xem. Sau đó, người thanh niên này mang đến một chiếc xe Suzuki Sport màu đen mang biển số 59T1 (Nh không nhớ các số cuối) cho Nh xem. Trong lúc Nh đang xem xe thì thấy người thanh niên điện thoại, Nh dùng súng điện bắn người thanh niên và chạy ra lấy xe định tẩu thoát. Lúc đó, xe kẹt bị số nên đạp không nổ, đồng thời chủ quán nước chạy ra truy hô cướp và giữ xe lại, Nh bỏ chạy.

Vào lúc 21 giờ 05 phút ngày ngày 03/7/2016, ở tại Công an thị trấn An Lạc, khi được lấy lời khai, Nh khai tương tự như lời khai đã được vừa nêu. Tuy nhiên, Nh khai chiếc xe mà Nh hỏi mua là chiếc xe có màu trắng, xanh đen (bl.44).

Vào lúc 16 giờ ngày 03/7/2016, khi được lấy lời khai, bà R khai tương tự như lời khai mà bà R đã khai được ghi nhận trong biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tuy nhiên, bà R khai chiếc xe mà Nh định cướp là xe màu đen; đồng thời khai rằng khi bị bắn, người thanh niên bị bắn chạy vào nhà vệ sinh và có la “sao anh làm gì kỳ vậy” (bl.50). Trong biên bản ghi lời khai của bà R vào ngày 12/7/2016, bà R khai tương tự như lời khai vừa nêu.

Vào lúc 17 giờ 20 phút ngày 03/7/2016, Công an phường M tiến hành đi khảo sát giá chiếc xe mang biển số 59T1-384.68 và có lập biên bản ghi nhận nhưng biên bản có sự tẩy xóa, sửa chữa phần ghi nội dung biển số xe (bl.82).

Đến 18 giờ ngày 03/7/2018, cán bộ của Công an phường M, lập biên bản thu giữ của Phạm Tuấn K chiếc xe “Suzukia màu vàng đen, biển số 59T1-384.68, số khung RU120UA24407, số máy F24-124407, xe cũ đã qua sử dụng; 1 biển số xe mang ký hiệu 83P2-02147; 1 giấy đăng ký xe biển số 83P2-02147 (bl.81).

Tại bản tường trình ngày 03/7/2016, K tường trình: Vào lúc 2 giờ ngày 03/7/2016, có một thanh niên không biết tên gì hẹn K ra quán cà phê coi xe. Sau khi K ra đến nơi thì người thanh niên móc súng điện ra bắn vào người K 2 lần rồi leo lên xe chạy thì chủ quán cà phê rút chìa khóa xe và xô ngã xe. Tên thanh niên bỏ chạy thì người dân đuổi theo bắt được giao cho cơ quan công an (bl.39).

Tại biên bản lời khai của Nh vào lúc 21 giờ ngày 03/7/2017 ở tại Công an thị trấn M, Nh khai giống như nội dung đã khai được ghi nhận trong biên bản bắt người phạm tội quả tang (bl.44-46).

Tại biên bản ghi lời khai bà R vào lúc 16 giờ 35 phút ngày 03/7/2016, bà R khai: Người thanh niên bị bắn chạy vào nhà vệ sinh, bà R dùng tay giật 2 sợi dây điện, xô thanh niên đi bộ ra ngoài. Tên này nhảy lên xe của người kia định bỏ chạy (bl.50).

Ngày 06/7/2016, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận N khởi tố vụ án, khởi tố Nh về tội Cướp tài sản.

Sau khi bị khởi tố, ngày 11/7/2016, ở tại Công an quận N, khi điều tra viên lấy lời khai Nh, Nh khai trình như sau: Vào ngày 02/7/2016, qua trang Web Chotot.vn, Nh thấy có người rao bán chiếc xe Sport với giá 35.000.000đ. Nh có ý định mua xe này nên vào ngày 03/7/2016, Nh liên hệ qua số điện thoại của người rao bán, người này hướng dẫn Nh đến Bến xe Miền Tây để hướng dẫn xem xe. Nh đón xe ôm đến Bến xe Miền Tây thì có một thanh niên chạy xe đến đón và chở Nh đến quán cà phê số 29 đường 17B, phường M để xem xe. Sau khi xem chiếc xe rao bán với giá 35.000.000đ thì Nh không đồng ý mua. Tại đây, Nh chuyển qua xem 1 chiếc xe Sport không có giấy tờ của một người thanh niên khác rao bán với giá 22.000.000đ. Nh trả giá mua chiếc xe này với giá 10.000.000đ, người thanh niên này không bán và chửi Nh “ĐM. không có tiền

mà bày đặt chạy xe xì po”. Vì tức giận nên Nh đã lấy súng điện ra bắn người thanh niên này. Người thanh niên này bỏ chạy vào nhà vệ sinh, Nh đuổi theo đánh người này thì bị chủ quán (bà R) cản lại, Nh quay trở ra, khi đi ngang chiếc xe của người thanh niên, bị cáo đạp ngã chiếc xe rồi bỏ chạy (bl.40). Trong quá trình điều tra sau đó, Nh điều khai như đã nêu.

Trong quá trình điều tra, anh K khai: Chiếc xe Suzuki Sport mang biển số mang 83P2-021.47 thuộc quyền sở hữu của anh G. Anh G nhờ K bán chiếc xe này với giá 42.000.000đ. Vào ngày 03/7/2016, Nh liên hệ với K qua điện thoại và hai người gặp nhau ở Bến xe Miền Tây để trao đổi việc mua bán xe. Sau đó, K chở Nh đến quán cà phê và mang chiếc xe 83P2-021.47 đến cho Nh xem. Tuy nhiên, do sợ nguy hiểm nên K đã gỡ biển số xe thật và gắn vào xe biển số giả mang ký hiệu 59T1-384.68. Trong lúc xem xe, bất ngờ Nh dùng súng điện bắn K, K bỏ chạy, Nh đuổi theo thì bị chủ quán ngăn lại.

Anh G khai: Chiếc xe mang biển số 83P2-021.47 thuộc quyền sở hữu của anh G, anh G có nhờ K bán chiếc xe vừa nêu với giá 42.000.000đ. anh G đã giao xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho K. K mang xe đi bán như thế nào thì anh G không rõ.

Kết luận định giá tài sản số 562/KL-HĐĐGTTTHS ngày 7/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N kết luận: xe mô tô Suzuki Sport biển số 83P2-021.47, số khung: RU120U-A24407, số máy: F124-124407, có trị giá 40.000.000đ.

Kết luận giám định số 972/KLGD-TT ngày 10/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- 02 (hai) dụng cụ phóng điện có nhãn hiệu “FBQ2002-A 80KV” gửi đến giám định là công cụ hỗ trợ.

- 04 (bốn) khối nhựa hình hộp chữ nhật có nắp màu vàng là đạn sử dụng cho súng bắn điện là công cụ hỗ trợ.

- 01 (một) khối nhựa hình hộp chữ nhật nối với 02 dây dẫn điện là đạn sử dụng cho súng bắn điện là công cụ hỗ trợ.”

Cáo trạng số 318/CT-VKS ngày 18/11/2016 -của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố Nh về tội "Cướp tài sản" theo Điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 25/5/2017, Tòa án nhân dân quận N đưa vụ án ra xét xử và đã xử phạt Nh 7 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (bản án số 89/2017/HSST ngày 25/5/2017).

Nh kháng cáo bản án vừa nêu với nội dung: Nh không phạm tội “Cướp tài sản”, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm đã nêu.

Ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa này, Nh khai người mà Nh bắt không phải là K. Nh bắt người này vì người này đã xúc phạm, chửi Nh. Luật sư bào chữa cho Nh như sau: Cơ quan điều tra chưa làm rõ số điện thoại 0909000530 là của ai để làm rõ người bị hại có phải là K hay không; vụ án có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nhận định: việc thu hồi vật chứng là chiếc xe không đúng quy định; màu xe mà Nh khai, K khai, màu chiếc xe thu giữ và màu chiếc xe ghi trên giấy chứng nhận đăng ký xe của G có mâu thuẫn nên không có cơ sở xác định chiếc xe đã thu giữ là xe Nh cướp; Cơ quan điều tra chưa làm rõ số điện thoại 0909000530 do ai sử dụng; vụ án có nhiều tình tiết mâu thuẫn chưa được làm rõ. Từ các nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ban hành bản án hình sự phúc thẩm số 547/2017/HSPT ngày 27/9/2017, tuyên hủy bản án sơ thẩm 89/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân quận N để điều tra lại.

Sau khi điều tra lại, Cơ quan điều tra kết luận như sau:

-Việc lập biên bản thu xe không đúng quy định là do cán bộ công an phường M có sai sót do thiếu kinh nghiệm; việc chậm lập biên bản thu giữ xe là do K gắn biển số giả nên phải nhờ chủ sở hữu xe mang biển số thật đến.

-Chiếc xe của G có màu đỏ nhưng quá trình sử dụng G thay đổi dần “áo” xe màu đen, dán tem màu xanh, vàng nên gọi xe màu xanh, vàng hay đen cũng như nhau.

-Việc K rao bán xe giá 35.000.000đ là do G hứa cho K 7.000.000đ nên K bán xe với giá đã nêu mà không nhận huê hồng.

-Bà R đã nhận dạng được anh K, K cũng đã nhận dạng được Nh.

-K thừa nhận số điện thoại 0909000530 là của K sử dụng vào thời điểm bị cướp. Sau khi sự việc xảy ra, K đã bán sim số điện thoại đã nêu mà không sử dụng nữa. Tại thời điểm xảy ra sự việc, chỉ có K, Nh và bà R nên có cơ sở xác định Nh đã dùng súng điện bắn K để cướp chiếc xe mang biển số 59T1-38468.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận N đã ban hành Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 15/03/2018 tiếp tục truy tố Nh về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tòa án nhân dân quận N mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử lại vụ án vào ngày 24/4/2018. Tại phiên tòa này, Nh vẫn không thừa nhận K là người đã bị bị cáo tấn công, không thừa nhận chiếc xe Suzuki mà cơ quan công an đã thu giữ là chiếc xe ở hiện trường xảy ra vụ việc. Luật sư Phạm Tuấn Anh bào chữa cho bị cáo như sau: Cơ quan điều tra chưa xác định rõ được chiếc xe vật chứng là chiếc xe nào; việc thu giữ chiếc xe được xác định là vật chứng không đúng quy định; chưa đủ cơ sở để kết luận bị hại là K; Cơ quan điều tra cũng chưa chứng minh

được số điện thoại 0909.000.530 là của K; do vậy, không có đủ cơ sở để kết luận Nh phạm tội “Cướp tài sản”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N đã nhận định:

“Người làm chứng là bà R đã xác định rõ sau khi bị cáo tấn công và làm bị hại phải bỏ chạy, bị cáo đã thực hiện hành vi ngồi lên xe Suzuki Sport, định đạp nổ máy để chiếm đoạt chiếc xe, đồng thời người làm chứng đã diễn lại rõ ràng hành vi ngăn cản bị cáo tấn công bị hại, ngăn cản bị cáo chiếm đoạt chiếc xe loại Suzuki Sport.

Quá trình thu giữ vật chứng là chiếc xe gắn máy loại Suzuki Sport của Công an phường M, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận N là có thiếu sót về mô tả vật chứng, trình tự, thủ tục lập biên bản thu giữ vật chứng, mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng nên chưa đủ cơ sở kết luận chiếc xe loại Suzuki Sport đã thu giữ trong vụ án là chiếc xe mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt và Cơ quan cảnh sát điều tra không thể bổ sung để làm rõ vật chứng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ vào các biên bản thu giữ vật chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, có cơ sở để kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, lúc khoảng 14 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2016, có 01 chiếc xe loại Suzuki Sport tại trước nhà số 29 đường số 17B, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và đó là tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt khi sử dụng vũ lực với bị hại. Do đó, việc không đủ cơ sở để xác định được cụ thể chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt có phải là chiếc xe đã thu giữ trong vụ án hay không không làm thay đổi việc đánh giá ý thức chiếm đoạt tài sản của bị cáo.

Mặc dù bị cáo không thừa nhận bị hại là ông Phạm Tuấn K, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận N chưa thu thập chứng cứ để làm rõ chủ sở hữu của số điện thoại 0909000530 nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo về việc giao dịch, liên lạc qua điện thoại và gặp ông K tại Bến xe miền Tây vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút 03/7/2016, căn cứ vào kết quả nhận dạng của bà Nguyễn Thị R, lời khai người làm chứng khác, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đủ cơ sở để kết luận bị hại có mặt tại hiện trường là ông Phạm Tuấn K”.

Từ các nhận định đã nêu, Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao Nh phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Nh 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2016.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy 2 cây súng điện, 1 cây gậy vũ 3 khúc, 1 con dao bấm, 5 viên đạn súng điện (01 viên đã sử dụng); 1 biển số xe mang ký hiệu 59T1 – 384.68;

Tịch thu sung quỹ: 1 điện thoại di động iPhone 4S; 1 điện thoại di động Nokia 1200; 1 túi xách bằng vải dù màu đen, có dây kéo và dây đeo, có chữ “Nobol” màu vàng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 07/5/2018, Nh có đơn kháng cáo với nội dung: Việc Tòa án nhân dân quận N xử phạt bị cáo 7 năm tù về tội “Cướp tài sản” là không đúng. Bị cáo không cướp tài sản, hồ sơ điều tra không đúng với hành vi của bị cáo; người bị hại trong vụ án không phải là anh Phạm Tuấn K, chiếc xe cũng không đúng trong vụ án; lời khai của bà R và anh K là không đúng; ở tại Công an phường M, quận N, bị cáo bị đánh và ép cung; xin Tòa án cho trích xuất thông tin về chiếc xe từ chiếc điện thoại Iphone 4S của bị cáo để xác định có đúng là chiếc xe trong cáo trạng đã nêu hay không. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét xử lại cho đúng với hành vi của bị cáo.

Ngày 22/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ-VKS-P7 với nội dung: Việc Tòa án nhân dân quận N tuyên tịch thu tiêu hủy 2 cây súng điện, 1 cây gậy vũ 3 khúc, 5 viên đạn súng điện (01 viên đã sử dụng) là không đúng quy định. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên tịch thu các vật chứng vừa nêu và *“giao cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, tiếp nhận và xử lý theo đúng quy định của pháp luật”*;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng cáo kháng nghị như sau: Lời khai của bị hại, người làm chứng có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ nên chưa đủ căn cứ để xác định bị hại là ai, chiếc xe bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe nào. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N để điều tra lại.

Bị cáo bào chữa như sau: Người mà Nh bắt không phải là K mà là người đàn ông đi chung với K; Nh không có ý định cướp xe, vì tức giận nên Nh đã đập đổ chiếc xe Suzuki màu đen do người đàn ông đi chung với K mang đến cho Nh xem. Còn chiếc xe Suzuki mà K mang đến rao bán cho Nh thì K đã dắt

đi ngay trước đó vì bị cáo không mua.

Luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

Cần phải làm rõ người bị hại là ai. Ông K là người không biết chữ nên không thể là người đăng thông tin rao bán xe trên mạng

Có thể số điện thoại 0909000530 rao bán xe là của G và G là người mang chiếc xe Suzuki màu đen đến cho Nh xem Nh cần cho Nh nhận dạng G.

Theo yêu cầu của bản án phúc thẩm số 547/2017/HSPT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì cần phải điều tra làm rõ số điện thoại 0909000530 là của ai để làm rõ bị hại là ai. Trong hồ sơ, có văn bản của Cơ quan điều tra yêu cầu Công ty Mobifone cung cấp thông tin về chủ thuê bao số điện thoại đã nêu nhưng lại không có văn bản trả lời của Công ty Mobifone. Phải chăng, Cơ quan điều tra không lưu kết quả trả lời của Công ty Mobifone vào hồ sơ.

Có dấu hiệu cho thấy K, G và bà R nằm trong đường dây mua bán xe bất hợp pháp, việc mua bán tập chung ở quán cà phê của bà R nên lời khai của R là không khách quan.

Theo lời khai của G thì G nhờ K bán xe cho G với giá 42.000.000đ và đã giao xe và giấy tờ xe cho K. Tuy nhiên, theo lời khai của K và lý giải của Cơ quan điều tra về việc chậm thực hiện việc thu giữ xe là do K phải nhờ G mang giấy tờ xe đến. Việc lý giải như đã nêu là không hợp lý, bởi lẽ K là người giữ giấy tờ xe. K khai G nhờ K bán xe với giá 42.000.000đ nhưng K rao bán xe với giá 35.000.000đ là có mâu thuẫn. K lý giải rằng: Vì G hứa cho K 7.000.000đ nên K bán xe với giá 35.000.000đ mà không hưởng huê hồng. Việc lý giải như đã nêu là không thuyết phục, bởi lẽ: Nếu đúng như K khai thì khi rao bán xe K cũng phải rao bán với giá 42.000.000đ.

Luật sư Tuấn Anh đồng tình với đề nghị của Kiểm sát viên, đó là đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ những nội dung có liên quan và những mâu thuẫn đã đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, luật sư và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an quận N, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận N đã thực hiện đúng thẩm quyền tố tụng. Tuy nhiên, về hành vi tố tụng có một số sai sót, cụ thể như sau: Theo quy định tại khoản 4 Điều 183 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) thì kiểm sát viên phải hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan. Trong vụ án này, bị cáo kêu oan, không thừa nhận việc cướp tài sản nhưng kiểm sát viên đã không trực tiếp hỏi cung bị can mà chỉ tham gia chứng kiến việc hỏi cung là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (bl.422-425). Tại biên bản ghi lời khai người được xác định là bị hại, người liên quan, người làm chứng cũng có sai phạm đó là: Tại biên bản ghi lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng, có chữ ký của kiểm sát viên ở cuối biên bản nhưng trong phần mở đầu của biên bản cũng không thể hiện có kiểm sát viên tham gia (bl.426-443).

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có phần phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là chưa tuân thủ đúng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong gia đoạn tiền tố tụng, Công an thị trấn M cũng có sai sót, đó là: Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đã không tiến hành thu giữ chiếc xe là tài sản mà bị cáo bị cáo buộc chiếm đoạt của K; sau đó, mới tiến hành thu chiếc xe; thời gian lập biên bản bắt người phạm tội quả tang trùng với thời gian lập biên bản ghi lời khai của bị cáo (bl.27, 46).

Những sai sót vừa nêu đã nêu làm ảnh hưởng đến việc xác định các tình tiết khách quan của vụ án; giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

[2]. Về kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vụ này, lời khai của K (người được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân quận N xác định là bị hại), lời khai người làm chứng và tài liệu thu thập được có nhiều mâu thuẫn, cụ thể:

-Theo lời khai của K được ghi nhận trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, K khai rằng trong lúc K đang ngồi thì Nh dùng súng điện bắn K, K ngã ngửa về phía sau. Nhưng có lúc K lại khai sau khi bị bắn, K bỏ chạy.

-Tại bản tường trình ngày 03/7/2016, K khai Nh bắn K 2 lần. Điều này không phù hợp với vật chứng thu giữ, bởi căn cứ vào lời khai của bà R, căn cứ vào vật chứng là súng điện và các bộ phận đi kèm, thể hiện Nh chỉ bắn 1 lần.

-K khai rằng G nhờ K bán chiếc xe 83P2-021.47 với giá 42.000.000đ nhưng K lại rao bán xe trên mạng với giá 35.000.000đ là có mâu thuẫn; chiếc xe K rao bán có biển số khác với biển số của chiếc xe mà G nhờ K bán. K lý giải rằng: K đã dùng biển số giả gắn vào xe của G vì sợ nguy hiểm; G hứa cho bị K

7.000.000đ nên K bán xe với giá 35.000.000đ mà không lấy tiền huê hồng. Việc lý giải như vừa nêu là không có tính thuyết phục.

-G khai: Khi G nhờ K bán xe, G đã giao xe và giấy tờ xe cho K; K cũng khai rằng khi mang xe đi bán K đã tháo biển số thật và gắn biển số giả vào xe. Tuy nhiên, cũng chính K lại khai rằng khi đến Công an phường M, K phải nhờ G mang biển số thật đến. Lời khai của K như đã nêu là có mâu thuẫn, bởi lẽ K là người giữ biển số xe thật nên không thể có việc nhờ G mang biển số thật đến Công an phường M.

-Lời khai của bà R mô tả diễn biến vụ án là không thống nhất, cụ thể: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, bà R khai khi Nh bắt K, K né được; bà R không đề cập đến việc K chạy vào nhà vệ sinh. Tuy nhiên, có lúc bà R lại khai khi bị bắt K bỏ chạy vào nhà vệ sinh, Nh đuổi theo để đánh tiếp, bà R ngăn bị cáo lại, bị cáo quay ra đập máy xe nhưng không nổi, bà R xô ngã xe, K ngã theo, bà R nhanh tay rút chìa khóa xe. Lời khai vừa nêu của bà R nếu là đúng sự thật thì cũng không phù hợp với quy luật của những vụ cướp tài sản thông thường. Bởi lẽ, khi bị hại đã bỏ chạy trốn, theo lẽ thông thường thì kẻ cướp phải nhanh chóng lấy tài sản để bỏ chạy mà không tiếp tục đuổi theo để đánh bị hại.

-Biên bản bắt người phạm tội quả tang ghi nhận Nh cướp chiếc xe có màu đen; nhiều lời khai của bà R và K cũng xác định chiếc xe bị cướp có màu đen. Tuy nhiên, trên giấy đăng ký xe cấp cho G thì chiếc xe Suzuki mang biển số đăng ký 83P2-021.47 có màu đỏ; biên bản thu giữ xe thì ghi xe màu vàng, đen, trong biên bản ghi lời khai Nh vào ngày 03/7/2016 (trùng ngày với ngày xảy ra sự việc), Nh khai chiếc xe có màu trắng, xanh, đen (bl.44).

Với những mâu thuẫn như đã nêu, chưa đủ căn cứ để xác định K là người bị Nh bắt, chiếc xe thu giữ là chiếc xe K mang đến cho Nh xem. Do vậy, chưa có cơ sở vững chắc để xác định Nh đã có hành vi cướp tài sản của K.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng *“chưa đủ cơ sở kết luận chiếc xe loại Suzuki Sport đã thu giữ trong vụ án là chiếc xe mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt”*. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm lại nhận định *“căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ vào các biên bản thu giữ vật chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, có cơ sở để kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, lúc khoảng 14 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2016, có 01 chiếc xe loại Suzuki Sport tại trước nhà số 29 đường số 17B, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và đó là tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt khi sử dụng vũ lực với bị hại”*. Nhận định như đã vừa nêu là mang tính khiên cưỡng.

Bản án sơ thẩm cũng nhận định: *“Mặc dù Nh không thừa nhận bị hại là K, Cơ quan điều tra cũng chưa thu thập chứng cứ để làm rõ chủ sở hữu của số điện thoại 0909000530 nhưng căn cứ vào lời khai của Nh về việc giao dịch, liên lạc qua điện thoại và K tại Bến xe Miền Tây vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút*

03/7/2016, căn cứ vào kết quả nhận dạng của bà R, lời khai người làm chứng khác, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đủ cơ sở để kết luận bị hại có mặt tại hiện trường là ông K". Nhận định vừa nêu là chưa đảm bảo tính khách quan, bởi lẽ:

Khi lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 03/7/2016, có mặt bà R và K tham gia nên đương nhiên bà R phải biết mặt K. Do vậy, khi Cơ quan điều tra cho bà R nhận dạng K, bà R nhận dạng được K là việc đương nhiên nên kết quả nhận dạng không có giá trị pháp lý trong việc chứng minh K là bị hại.

K khai rằng K là chủ số điện thoại 0909000530 và đã sử dụng số điện thoại này liên lạc giao dịch với Nh nhưng sau khi xảy ra sự việc, K đã bán số điện thoại này cho người khác. Lời khai này của K là thiếu cơ sở tin cậy, bởi lẽ: Ngay sau khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, vào lúc 16 giờ ngày 03/7/2016, Công an phường M ghi lời khai của K, K đã thông báo cho Cơ quan công an biết số điện liên lạc của K là 0901404238 (bl.64) mà không phải là số 0909000530. Do vậy, việc luật sư yêu cầu làm rõ ai là chủ thuê bao số điện thoại 0909000530 vào thời điểm khi xảy ra vụ việc là cần thiết. Bởi lẽ, nó là căn cứ để xác định người rao bán xe cho bị cáo là ai, từ đó xác định K có phải là bị hại hay không. Tuy nhiên, những nội dung đã nêu chưa được cơ quan điều tra làm rõ.

Luật sư yêu cầu cho Nh nhận dạng G để làm rõ vụ việc, vì có thể G là người đàn ông đã bị Nh bắt. Yêu cầu này là có căn cứ, bởi lẽ theo Kết luận điều tra và Cáo trạng thì Nh qui buộc là đã cướp chiếc xe do G đứng tên chủ sở hữu; mặt khác, có lúc G khai không chính xác, khai rằng xe của G mang biển số 83P2-02149 (bl.68).

Trong vụ án này, mặc dù có dấu hiệu cho thấy có thể Nh phạm tội, Nh lý giải chưa thuyết phục về lý tại sao đi mua xe mà chỉ mang theo 800.000đ và lại mang theo nhiều hung khí. Tuy nhiên, như đã nhận định và phân tích: Có nhiều nội dung cần phải làm rõ nhưng không thể làm rõ tại phiên tòa. Mặt khác, vụ án này trước đây đã bị Tòa án nhân dân Thành phố hủy một lần để điều tra lại nhưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra quận N chưa làm hết trách nhiệm, chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu điều tra được nêu trong bản án hình sự phúc thẩm số 547/2017/HSPT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân quận N cũng có một số vi phạm tố tụng như đã được nêu tại mục [1]; điều tra viên chưa làm hết trách nhiệm và chưa thật sự cẩn trọng trong quá trình điều tra, mặc dù việc khai báo của người làm chứng, bị hại, bị cáo, người có liên quan có mâu thuẫn nhưng điều tra viên vẫn dễ dàng chấp nhận mà không thẩm tra làm rõ; thậm chí, khi Nh và K khai rằng đã liên lạc giao dịch với nhau thông qua thông tin rao bán xe trên trang web Chotot.vn nhưng điều tra viên vẫn chấp nhận mà không chất vấn (thực tế không có trang web Chotot.vn mà chỉ có trang web Chotot.com).

Vì các lý do đã nêu, cần hủy bản án sơ để điều tra lại theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và luật sư bào chữa. Để đảm bảo cho việc điều tra được khách quan, đúng pháp luật, cần giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra lại.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nên không đề cập đến việc giải quyết kháng nghị. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không xem xét nội dung kháng nghị.

[3]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b và c khoản 1, khoản 5 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Hủy bản án sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại.

2. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát Nh Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra lại.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND quận N; | (1) |
| - PC53 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Đường sự; | (1) |
| - Chi Cục THA quận N; | (1) |
| - TAND quận N; | (2) |
| - Công an quận N; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

Trương Công Huân